

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 670/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đề nghị phê duyệt số lượng và dự toán kinh phí thực hiện
tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
của Chính phủ (bổ sung đợt I, năm 2017)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ
về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015
của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số
108/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 814/BNV-TCBC ngày 20/02/2017 của Bộ Nội vụ về
việc thẩm tra danh sách tinh giản biên chế đợt I năm 2017 của tỉnh Thanh Hoá;

Xét đề nghị của Liên Sở: Nội vụ - Tài chính tại Tờ trình số 93/TTr-
LS:NV-TC ngày 27/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh
giảm biên chế đợt I năm 2017 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày
20/11/2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tổng số đối tượng thực hiện tinh giản biên chế: 06 người (gồm: Khối
hành chính 04 người; khối sự nghiệp 01 người; khối đảng, đoàn thể 01 người).

2. Dự toán tổng kinh phí thực hiện: 468.100.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi
tám triệu, một trăm nghìn đồng). Trong đó:

- Về hưu trước tuổi: 05 người; kinh phí thực hiện: 378.614.000 đồng (Ba
trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm mười bốn nghìn đồng).

- Thôi việc ngay: 01 người; kinh phí thực hiện: 89.486.000 đồng (Tám
mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

(Có biểu tổng hợp kèm theo).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên
chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ do Trung ương bổ sung
có mục tiêu.

Điều 2. Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành
phố căn cứ Quyết định này thực hiện các thủ tục tinh giản biên chế theo quy

định hiện hành; giao Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện và báo cáo quyết toán kinh phí theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.

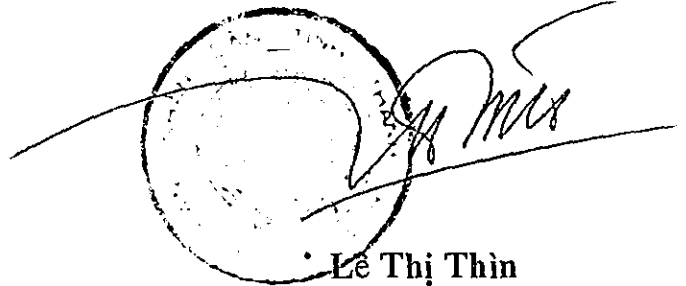
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- TTTr Tỉnh uỷ, TTTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

TỔNG HỢP BÁO CÁO BỔ SUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ ĐỘ I NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 670 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tính giản biên chế					Kinh phí cho tính giản biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng số	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Tổng cộng	Nghỉ hưu	Chuyển sang các cơ quan	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng (I +II +III)	6	6	0	0	0	468.100	378.614	0	89.486	0
I	Khối hành chính:	4	4	0	0	0	210.212	120.726	0	89.486	0
c	Khối xã, phường	4	4				210.212	120.726	0	89.486	
1	Huyện Nông Cống	1	1				89.486			89.486	
2	Huyện Bá Thước	2	2				54.000	54.000			
3	Huyện Như Thanh	1	1				66.726	66.726			
II	Khối sự nghiệp	1	1	0	0	0	122.692	122.692	0	0	
a	Cấp Tỉnh	1	1				122.692	122.692			
4	Sở Xây dựng	1	1				122.692	122.692			
I	Khối Đảng, Đoàn thể	1	1		0		135.196	135.196	0	0	
6	Huyện Ủy huyện Thạch Thành	1	1				135.196	135.196			

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

BỔ SUNG DANH SÁCH TÍNH GIẢN BIỆN CHẾ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN (ĐỢT I NĂM 2017)

(Kèm theo Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề nghiệp (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liên kế		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng lãnh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính giản	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng			Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số năm	Số năm làm công việc NN, OH hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Nghỉ hưu trước tuổi			chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
Tổng cộng (I+II+III)																								
I	KHỞI HÀNH CHÍNH																						468.100	
C	CẤP XÃ, PHƯỜNG																						210.212	
1	Huyện Nông Cống																						89.486	
1	Nguyễn Minh	01/4/1959		Chỉ huy	2,66	06/2013							2,46	06/2011	3 219	2 801	18 n		57 t	01/3/2017		x	89.486	02 năm liên tiếp tiền kể tại thời điểm tính giản biên chế CC được phân lo, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực năm 2016 không HTNV, ko thể bỏ việc làm khác phù hợp
	Dương			trưởng QS xã Cống Bình									2,66	06/2013			7 th		11 th					
2	Huyện Bá Thước																						54.000	
2	Hà Thanh Dục	27/8/1958	TC	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Văn Nho	4,06	01/2012	0,2	01/2010			6%	7/2015	3,86	01/2010	5 498	4 971		27N	58T8T	01/4/2017	x			02 năm liên tiếp tiền kể tại thời điểm tính giản biên chế CC được phân lo, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực năm 2016 không HTNV, ko thể bỏ việc làm khác phù hợp
											5%	7/2014					3T							
3	Hà Thi Mão	10/7/1964	TC	Chủ tịch Hội phụ nữ xã Lũng Nham	2,66	10/2014	0,15	10/2008					2,46	10/2012	3 400	3 000		29N	52T5T	01/02/2017	x			02 năm liên tiếp tiền kể tại thời điểm tính giản biên chế CC được phân lo, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực năm 2016 không HTNV, ko thể bỏ việc làm khác phù hợp
																	7T							
3	Huyện Như Thanh																						66.726	
4	Bùi Văn Bốn	02/5/1960	TC	Phó CT HĐND xã Pẩu nhận	3,66	01/2016	0,2	05/2010					3,46	01/2014	4 429	4 044	23 n		56 t	01/03/2017	x		66.726	02 năm liên tiếp tiền kể tại thời điểm tính giản biên chế CC được phân lo, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực năm 2016 không HTNV, ko thể bỏ việc làm khác phù hợp

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời điểm tính gián biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Lý do tính gián
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN			Thời việc ngay				
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
II	KHÔI SỰ NGHIỆP																						122.692	
a	KHÔI TÍNH																						122.692	
	Số Xây dựng																						122.692	
5	Trần Thanh Hà	07/09/1959	ĐH	TP Tài vụ, phụ trách kế toán	4,98	04/2015	0,35	7/2013					4,65	04/2012	6.449	5.707	38 n 7 th	57 t 7 th	01/03/2017	x			122.692	Có 02 năm liền kề tại đơn vị biên chế VC có 01 năm được phân loại, đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm 2016 không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bỏ ra vì khác phù hợp.
III	KHÔI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ																							
	Huyện Ủy huyện Thạch Thành																						135.196	
6	Phạm Công Nguyễn	22/12/1959	TC	Phó Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy	4,06	1/2/2014	0,2	1/2/2014			22% 21% 20%	1/2/2015 1/2/2014 1/2/2013	4,06	1/10/2004	6.285	5.753	38n7t	57t 2 th	01/03/2017	x			135.196	02 năm liền tiếp liền kề tại đơn vị biên chế CC được phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực 01 năm 2016 không HTNV, ko thể bỏ việc làm khác phù hợp

Danh sách này có 06 người